

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 22/2019/HN-ST

Ngày 28/6/2019

Về việc: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Võ Thị Ngọc Nga.

2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2018/TLST – HN ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST – HN ngày 29/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HN giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1993, địa chỉ: số 256/8, ấp 8, xã HT, huyện CT, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1991, đại chỉ: ấp PH, xã PM, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Dương Văn Đ chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã PM, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2016. Sau hơn một năm chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc về hành hạ vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến tháng 3 năm 2018, tôi về nhà cha mẹ ruột sống, anh Đ không lui tới thăm nom con từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: Tôi và anh Đ có một con chung tên Dương Thiên Â, sinh ngày 06/9/2018, hiện cháu đang sống chung với tôi. Tòa cho ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ ai.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn Đ.

Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ ai.

Bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tổng đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn Đ căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp “xin ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Dương Văn Đ có đăng ký hộ khẩu tại xã PM, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Anh Dương Văn Đ là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T xin ly hôn với anh Dương Văn Đ vì trong quá trình chung sống anh Đ không lo làm ăn, cờ bạc, nhậu say về hành hạ vợ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến việc cuối tháng 3 năm 2018, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống anh Đ không đến động viên vợ chồng trở lại chung sống nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình

cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị T về nhà cha mẹ ruột sống dần đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Mặc khác, chị T xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi ý kiến. Như vậy, cho thấy anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T nên cần xem xét cho chị T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị T xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Thiên Â, sinh ngày 06/9/2018 vì cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị T và anh Đ ly thân đến nay. Xét chị T là người đang trực tiếp chăm sóc cháu Â, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của cháu không bị xáo trộn cần để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Â. Khi cần thiết vì quyền lợi của cháu Â chị T hoặc anh Đ có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Chị T khai không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ T đối với anh Dương Văn Đ.

1.1 *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Dương Văn Đ.

1.2 *Về con chung:* Giao cháu Dương Thiên Â, sinh ngày 06/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Lệ T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí:*

2.1 Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19613 ngày 21/12/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

2.2 Anh Dương Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về kháng cáo:

3.1 Chị Nguyễn Thị Lệ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Anh Dương Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính